Nuyễn Hải Hoành - Yêu nước trước hết là yêu tiếng mẹ đẻ

Tháng 6 băn 2021

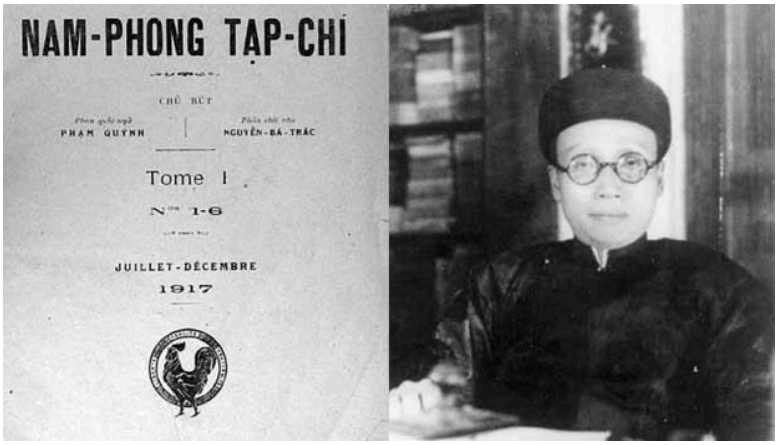

Học giả Phạm Quỳnh và Nam Phong tạp chí

Năm 1917, tạp chí Nam Phong đăng bài Văn Quốc ngữ và một số bài liên quan của nhà báo Phạm Quỳnh hai mươi nhăm tuổi. Một trăm năm sau, khi đọc lại mấy bài ấy người ta lại một lần nữa thấy tác giả thực là yêu nước và uyên bác.

Những người tinh hoa phát tiết sớm như Phạm Quỳnh rất hiếm[1]. Suốt 15 năm (1917-1932) làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tạp chí Nam Phong, ông đã dùng tờ báo này trình bày quan điểm của mình trên lĩnh vực văn hóa – xã hội. Cho dù quan điểm chính trị của ông có thể không phù hợp với phong trào giải phóng dân tộc đương thời, nhưng rõ ràng ông là một nhà trí thức yêu nước đã hiến dâng cả đời mình cho sự nghiệp cao quý dùng tiếng Việt và chữ Quốc ngữ để xây dựng nền Quốc học của nước nhà.

Có điều Phạm Quỳnh chủ yếu thể hiện tình yêu nước theo cách lo gìn giữ, tôn vinh tiếng nói của dân tộc, lo gây dựng nền học thuật riêng cho nước nhà. Tiếc thay, vì người cùng thời không hiểu được ông nên rốt cuộc ông phải hứng chịu một kết cục cay đắng. Nhưng chắc chắn lịch sử cuối cùng sẽ đánh giá đúng về ông, và có lẽ đã đến lúc nên đánh giá lại nhân vật này.

Phát triển quốc ngữ, xây dựng nền quốc học Việt Nam

Quốc học là nền văn hóa và học thuật truyền thống của một quốc gia-dân tộc, được xây dựng trên nền tảng quốc văn, tức nền văn học của quốc gia. Một nước văn hiến mấy nghìn năm như Việt Nam đã có nền Quốc học của mình hay chưa?

Phạm Quỳnh là người đầu tiên nhận thấy nước ta cho tới đầu thế kỷ XX vẫn chưa có quốc văn, do đó chưa có nền Quốc học của mình, và vì thế đất nước chưa thể phát triển. Ông day dứt đặt câu hỏi: Một nước muốn mưu sự sinh tồn, tìm đường phát đạt, có thể đời đời học mướn viết nhờ mãi được không?[2] Dù chưa nói thẳng ra nhưng hiển nhiên ông trả lời không, và vạch ra vì sao ta chưa có quốc văn, quốc học: Đó là do người Việt xưa nay đều học và dùng học thuật của người Hán cũng như viết bằng chữ mượn của họ.

Dân tộc ta thời xưa không có chữ viết nên phải dùng chữ Hán suốt hai nghìn năm, chữ Nôm chỉ dùng trong thời gian ngắn. Phạm Quỳnh nhận xét: Không một nước châu Âu nào trong hai nghìn năm chỉ chuyên học chữ Hy Lạp hay chữ La Mã như nước ta chuyên học chữ Hán… Hán văn tự nhiên trở thành quốc văn của nước ta, còn "Nôm" là lời tục trong dân gian, của những kẻ không biết "chữ". Tình trạng học mướn viết nhờ ấy đã kìm hãm bước tiến của dân tộc ta.

Học giả – chí sĩ cách mạng Ngô Đức Kế (1878-1929) cũng nói: Nước Việt Nam ta mấy nghìn năm nay học chữ Hán, theo đạo Khổng. Hán văn tức là quốc văn, Khổng học tức là Quốc học[3]. Nghĩa là nền học thuật của nước ta không có hệ tư tưởng, phải theo tư tưởng Nho học của Quốc học Trung Quốc (TQ). Toàn bộ thể chế chính trị, văn hóa-xã hội nước ta, nội dung học tập và quy chế thi cử của nền giáo dục nước ta đều bắt chước TQ.

Người TQ từng nói: vì chữ Hán khó học nên hầu hết dân TQ mù chữ, ngu dốt, đất nước lạc hậu hèn yếu. Ta dùng chữ Hán tất nhiên cũng phải hứng chịu các di hại ấy. Đặc biệt mặt tiêu cực của Khổng học (tức Nho giáo) đã kìm hãm sự phát triển của xã hội Việt Nam. Năm 1908, nhà ngôn ngữ học TQ Tiền Huyền Đồng nói Muốn phế bỏ Khổng học, không thể không trước tiên phế bỏ chữ Hán. Ngay từ năm 1907, Phan Châu Trinh kêu gọi Không bỏ chữ Hán thì

không cứu được nước Nam! Năm 1936, Lỗ Tấn trăng trối Không diệt chữ Hán thì TQ sẽ mất nước!

Nền văn học Việt Nam viết bằng chữ Hán là Hán văn, không phải Việt văn, dập khuôn văn học Trung Hoa, không thể phản ảnh ngôn ngữ mẹ đẻ của dân ta, là thứ văn bác học của tầng lớp thượng lưu, người dân chỉ hiểu qua bản dịch. Cho nên nền văn học ấy tuy là một bộ phận của quốc văn nhưng không làm nên nền học thuật truyền thống của nước ta. Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Trương Chính… không coi là văn học dân tộc ta[4]. Vì thế nền học thuật chữ Hán này tuy có góp phần xây dựng nền văn minh Việt nhưng không thể gọi là Quốc học của nước ta.

Tất cả là do chữ Hán không ghi âm được tiếng Việt, cho nên văn học chữ Hán bế tắc không phản ánh đời sống đông đảo dân ta! Song không phải ai cũng hiểu ra lẽ đơn giản ấy. Chữ Hán chủ yếu ghi ý, không ghi âm. Việt Nam, Nhật, bán đảo Triều Tiên đều mượn dùng chữ Hán, văn học chữ Hán của ba dân tộc này đều bế tắc, cuối cùng đều phải tìm lối thoát bằng việc sáng tạo ra loại chữ ghi âm tiếng mẹ đẻ của mình: chữ Nôm ở Việt Nam, chữ Kana ở Nhật, chữ Hangul ở Triều Tiên.

Chữ Nôm xuất hiện đã dẫn đến sự ra đời một nền văn học dân tộc rực rỡ với đại diện ưu tú là Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương,… Nhưng do chữ Nôm chưa hoàn thiện và thời gian dùng làm chữ viết chính thức quá ngắn, lại quá ít người biết dùng, vì thế văn học chữ Nôm vẫn chưa trở thành quốc văn của nước ta.

Về sau, các nhà truyền giáo Ki Tô đã sáng tạo ra chữ Quốc ngữ, món quà vô giá của văn minh phương Tây tặng dân tộc ta, hơn hẳn chữ Hán và chữ Nôm ở chỗ ghi được toàn bộ ngữ âm tiếng Việt, lại dễ học dễ viết, có thể phổ cập toàn dân. Phạm Quỳnh đánh giá rất đúng đây là công cụ kỳ diệu để giải phóng trí tuệ[5], và ông dẫn đầu sự nghiệp dùng chữ Quốc ngữ để xây dựng nền Quốc học. Đúng là từ ngày có chữ Quốc ngữ, trí tuệ người Việt được giải phóng, mở mang, văn học nghệ thuật, khoa học kỹ thuật… phát triển, chỉ sau khoảng trăm năm đã đạt được thành tựu hơn mấy nghìn năm trước.

Phạm Quỳnh nhận xét: Vấn đề quan trọng nhất ở ta ngày nay là vấn đề văn quốc ngữ. Vấn đề ấy có giải quyết được thì sự học mới có thể tấn tới, dân trí mới có thể mở mang, cuộc tiến hóa sau này mới có thể mong mỏi được. Đến ngày chữ Quốc ngữ dùng làm quốc văn được thì người nước Nam mới có thể thâu thái các khoa học mới mà gây thành một nền học [tức Quốc học] thích hợp với trình độ, với tính cách dân ta… Nói rút lại, văn quốc ngữ có phát đạt thì nền quốc học mới gây dựng được, mối tư tưởng mới mở mang được, quốc dân ta không đến nỗi chung kiếp đi học mướn viết nhờ như từ xưa đến nay vậy.… Ta chẳng nên oán gì các cụ ta ngày xưa vì say đắm chữ Tàu nên lãng bỏ tiếng Nôm, để cho con cháu ngày nay khổ vì có nước mà không có văn, có người mà không có cách nói cho nhau nghe ngoài những câu nhật dụng thường đàm… Chữ Quốc ngữ chính là cái bè để cứu vớt bọn ta trong bể trầm luân vậy.

Ông kiến nghị: Đời trước đã lầm, đời nay phải biết tránh vết xe cũ mà đừng đi… Các cụ đã sao lãng, bọn ta phải chăm chú… Trước ta không có ai làm văn bằng Nôm, ta không thể lấy người trước làm gương làm mẫu được…. Xin đồng bào ta chớ lãng bỏ, chớ khinh rẻ văn quốc ngữ. Tương lai nước nhà chính ở đó.

Người xưa sao lãng văn Nôm vì chữ Nôm chưa hoàn thiện lại khó học, phải biết chữ Hán mới học được chữ Nôm, trong khi tổ tiên ta giỏi Hán văn, như Khương Công Phụ đỗ Trạng nguyên ở cả Việt Nam và TQ, được phong làm Tể tướng nhà Đường TQ.

Trước Phạm Quỳnh, các sĩ phu phong trào Duy Tân (1904) và Đông Kinh Nghĩa Thục (1907) đã nhận thấy vai trò quan trọng của chữ Quốc ngữ. “Bài ca khuyên học chữ Quốc ngữ” của ĐKNT có câu Chữ Quốc ngữ là hồn trong nước/ Phải đem ra tính trước dân ta/ Sách các nước, sách Chi-na (TQ)/ Chữ nào chữ ấy dịch ra tỏ tường. ĐKNT đả phá “cựu học”, tức nền học thuật Nho học, chủ trương xây dựng nền học thuật mới dùng chữ Quốc ngữ và tiếp thu các giá trị tiên tiến của văn minh phương Tây. Nhưng hai phong trào cách mạng nói trên đều sớm bị thực dân Pháp bóp chết.

Phạm Quỳnh không chỉ đề cao chữ Quốc ngữ mà còn đặt mục tiêu phát triển tiếng Việt: phải sáng tạo dựng đặt ra, từ chữ dùng cho đến phép đặt câu. Đó là vì vốn từ ngữ tiếng Việt thời

ấy rất nghèo, phải dùng từ Hán-Việt du nhập từ Nhật và TQ khi họ chuyển thành chữ Hán các khái niệm của văn minh phương Tây. Chính ông cũng còn dùng kiểu hành văn cũ và nhiều từ cổ như bất nhược (chẳng như), mang nhiên (không biết gì)…

Ông kịch liệt phản đối việc dùng tiếng Pháp thay cho tiếng ta trong giảng dạy và trong đời sống và cho rằng sự "đổi não" [tư duy bằng ngoại ngữ] ấy theo lẽ tự nhiên là không thể nào thành công. Mà dù có làm được đi nữa cũng chẳng nên làm.

Khi diễn thuyết tại Viện Hàn lâm Pháp ở Paris (1922), ông đã phê bình việc chính quyền Pháp buộc các trường Pháp-Việt ở ta học tiếng Pháp từ bậc tiểu học mà không học tiếng Việt: Nếu dân Việt Nam là một dân tộc chưa có lịch sử thì quý quốc cứ việc dạy cho học chữ Tây hết cả… Nhưng dân Việt Nam không phải là một tờ giấy trắng muốn vẽ gì cũng được, mà là một tập giấy đã có chữ sẵn từ đời nào đến giờ rồi, nếu bây giờ viết đè một thứ chữ mới lên trên thì e thành giấy lộn mất… Bây giờ dạy khắp chữ Tây cho dân chúng tôi từ nhỏ đến lớn như ở các trường Pháp-Việt hiện nay, kết quả chỉ làm cho người Việt Nam mất giống Việt Nam…

Đứng giữa thủ đô Paris tố cáo chính quyền Pháp mưu toan đồng hóa dân tộc ta cho tới mất giống Việt Nam – điều đó chứng tỏ Phạm Quỳnh là một nhà yêu nước ở tầm cao tri thức hiếm thấy. Không chỉ nói, mà sau khi nhậm chức Thượng thư Bộ Học ở triều đình Huế (1932), ông đã đòi được từ chính quyền Pháp quyền quản trị bậc tiểu học rồi chính ông ban hành lệnh dạy chữ Quốc ngữ ở bậc tiểu học trong cả nước.

Phạm Quỳnh cũng dẫn đầu phong trào viết văn Quốc ngữ, hồi đó còn rất ít người tham gia. GS Dương Quảng Hàm đánh giá các bài viết của ông đã luyện cho tiếng ta có thể diễn dịch được các lý thuyết, các ý tưởng về triết học, khoa học mới.[6] Như vậy ông đã đóng vai trò một nhà khai sáng của nước ta.

Yêu quý và độc tôn tiếng Việt – tiếng mẹ đẻ của dân tộc ta

Phạm Quỳnh tự nhận Tôi đây chính là một người nhiệt thành thương tiếng nước nhà, lâu nay đã tự nguyện cúc cung tận tụy một đời để gây dựng cho tiếng ấy thành văn chương, cho

nước ta có một nền quốc văn đứng riêng được một cõi, cho người mình khỏi phải cái cực chung thân cùng kiếp đi học mướn viết thuê.

Ngày nay được đọc được ngâm những mảnh thơ Nôm, văn Nôm của các bậc tiền bối còn sót lại đến giờ, trong lòng có cái cảm vô hạn. Tưởng như hồn xưa của đất Việt ta còn phảng phất đâu ở trong mảnh thơ tàn văn vụn ấy mà vẳng đưa đến tai ta những giọng vui sầu của người thủa trước. Cùng một tiếng khóc, cùng một giọng cười mà sao giọng cười tiếng khóc bằng cái lời họ Hàn [Hàn Thuyên, ông tổ chữ Nôm] kia, nó cảm ta như thế? Là bởi trời sanh ta để nói cái tiếng ấy, trời sanh ra cái tiếng để ta nói, ta có nói bằng tiếng ấy mới nói được lòng ta, nói bằng tiếng khác là nói những chuyện không đâu cả. Trong trời đất chỉ có tiếng nói ấy với ta, ta với tiếng nói ấy, là sẵn có duyên nợ với nhau vậy.

Đó là tiếng mẹ đẻ của người Việt, gắn chặt với vận mệnh dân tộc ta, được Phạm Quỳnh tôn vinh, coi là hồn của đất nước. Với suy nghĩ ấy, ông dâng cả cuộc đời mình cho sự nghiệp gìn giữ và độc tôn tiếng Việt trong tình hình văn hóa phương Tây ồ ạt tràn vào, nền học thuật cũ dựa trên Hán học đang bị loại bỏ, chữ Quốc ngữ vẫn còn bị coi khinh.

Tuy rất giỏi chữ Hán và tiếng Pháp nhưng Phạm Quỳnh chủ trương Quốc văn một nước phải dùng tiếng gốc của dân nước ấy, không thể dùng chữ Hán hoặc tiếng Pháp làm văn nước Nam. Ông sáng suốt hiểu rằng Tiếng nói là phần cốt yếu làm thành ra một dân một nước. Cho nên xưa nay nước nào dân nào cũng có một thứ tiếng riêng; có dân có nước bờ cõi đã mất, quốc thể không còn mà còn giữ được quốc âm cũng không đến nỗi tiêu diệt đi được.

Đúng vậy, ngôn ngữ quyết định sự hình thành và tồn tại của một dân tộc, là tiêu chí chủ yếu để phân biệt các dân tộc. Một dân tộc để mất tiếng mẹ đẻ thì có nguy cơ bị tiêu diệt theo nghĩa bị đồng hóa, tan biến vào một nền văn hóa khác. Nếu giữ được tiếng mẹ đẻ thì dù nước bị mất nhưng dân tộc vẫn không bị tiêu diệt. Người Do Thái mất nước, 2000 năm phiêu bạt khắp nơi nhưng nhờ giữ được tiếng Hebrew nên dân tộc này vẫn tồn tại, cuối cùng lập nên quốc gia Israel hùng mạnh.

Phạm Quỳnh rất quan tâm chữ Nho, tức chữ Hán đã Việt hóa thành từ Hán-Việt, và đưa ra quan điểm nên dùng từ Hán-Việt cho các từ ngữ có tính học thuật. Ông nêu ví dụ: Nếu nói

“Nhà vua Việt Nam đi chơi Bắc Kỳ, nay đã về Kinh rồi ” thì nghe sống sượng quá, không trang trọng bằng nói “Hoàng thượng ngự giá Bắc Kỳ, nay đã hồi loan ”. Những từ Hán-Việt ngự giá, hồi loan này thời ấy quen dùng nhưng ngày nay hầu như đã biến mất.

Ông nói ta phải học và dùng chữ Nho, nhưng Xưa học chữ Nho là vì chữ Nho, nay học chữ Nho là vì quốc văn; mục đích đã khác thì phương pháp cũng khác; xưa học trăm phần nay chỉ học một phần thôi, nhưng là cái phần rất cần nhằm để đọc hiểu thơ văn người xưa, chứ không phải học để mà viết văn làm thơ bằng chữ Nho.

Dĩ nhiên quan điểm trên chỉ hợp với tình hình 100 năm trước, khi tiếng Việt còn quá thiếu từ ngữ. Ngày nay người Việt tự tạo ra nhiều từ ngữ mới, nhiều từ Hán-Việt nhập tịch biến thành từ Việt, tiếng Việt có thể diễn đạt mọi khái niệm mà không cần dùng chữ Hán (Nhật và Hàn Quốc vẫn cần). Bởi vậy ngày nay người Việt không cần học chữ Hán ở bậc phổ thông. Riêng sinh viên khoa học xã hội-nhân văn thì cần học chữ Nho để đọc hiểu thư tịch tổ tiên để lại.

Tình yêu tiếng Việt của Phạm Quỳnh thể hiện rõ khi ông ra sức đề cao giá trị văn chương của Truyện Kiều, bất chấp bị giới học giả yêu nước đả kích: Truyện Kiều quả là một nền văn chương tuyệt bút, có lẽ văn Tàu cũng không có gì bằng… có thể sánh với những sách thật hay trong văn chương các nước khác… Suốt truyện không một câu nào đặt non đặt ép… lời văn luyện cho đến nỗi tưởng không ai có tài nào đặt hơn được nữa… Nhiều câu trong truyện đã trở thành lời cách ngôn thiên cổ.

Thời ấy một số học giả yêu nước còn nặng tư tưởng lễ giáo cũ coi Truyện Kiều là “dâm thư ”, coi việc Phạm Quỳnh suy tôn Truyện Kiều là thủ đoạn thâm độc của thực dân Pháp nhằm làm thanh niên ta bị mê hoặc mà sao lãng nhiệm vụ cứu nước. Thực ra Phạm Quỳnh đã đi trước thời đại, đánh giá đúng tác phẩm này. Điều đó chứng tỏ ông rất mực uyên bác và yêu nước.

Trong lễ kỷ niệm ngày sinh Nguyễn Du năm 1924, ông trịnh trọng thề: Truyện Kiều còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, nước ta còn! Nói cách khác, Phạm Quỳnh thề gìn giữ Tổ quốc ta trường tồn trên lĩnh vực ngôn ngữ.

Tiếng ta còn, nước ta còn! – chân lý bất hủ ấy đã được người Việt Nam chứng minh một cách hùng hồn nhất. Suốt nghìn năm Bắc thuộc, nước ta bị biến thành một quận của Trung Hoa, tổ tiên ta buộc phải dùng chữ Hán, nhưng nhờ giữ được nguyên vẹn tiếng mẹ đẻ mà dân tộc ta không bị đồng hóa, tổ quốc ta vẫn tồn tại tới nay. Thượng Chi Phạm Quỳnh đi đầu thấu hiểu và suốt đời phấn đấu thực hiện chân lý nói trên. Ông thực sự là một học giả yêu nước và uyên bác hiếm có của dân tộc ta.

NGUYỄN HẢI HOÀNH

Chú thích:

[1] Phạm Quỳnh 15 tuổi làm phụ tá ở Viện Viễn đông Bác cổ, cơ quan nghiên cứu khoa học cao nhất của Pháp ở Đông Dương; 21 tuổi dịch các bài văn học, triết học và đăng trên Đông Dương tạp chí.

[2] Những chữ in ngả trong bài nếu không ghi chú là lời Phạm Quỳnh, trích từ Thượng Chi Văn tập.

[3] Trương Chính: Bàn thêm về cuộc tranh luận chung quanh Truyện Kiều khoảng năm 1924.

[4] Bùi Duy Tân: Vị thế của văn học Hán Việt qua một cuộc tranh luận lớn.

[5] Nguyễn Văn Huyên: Văn minh Việt Nam (chương XII).

[6] Dương Quảng Hàm: Việt Nam văn học sử yếu, 1941.

Văn Học Sài Gòn